

Bản án số: 162/2024/DS-PT

Ngày: 10/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng ĐL

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn VĐ

Ông Ngô TH

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị XT, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Minh Ng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 447/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do có kháng cáo và kháng nghị, đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3265/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần chè VH; địa chỉ: Thôn 7, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Minh, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Đức Lược, Cán bộ phòng Kế hoạch kỹ thuật kiêm quản lý đất đai - Công ty cổ phần chè VH; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Đức Đoàn, Luật sư Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật cho người chưa thành niên tại tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Đồng bị đơn: Ông Hoàng VT, sinh năm 1957 và bà Hoàng TY, sinh năm 1961; cùng địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; có mặt ông Thái.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng TY: Ông Hoàng CT, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Lê Ước An, ông Nguyễn Văn Tuấn - Luật sư thuộc Công ty luật hợp danh Đại An Phát, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt Luật sư An.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh YB; người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Công Tiến, chức vụ: Phó Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái. Theo giấy ủy quyền số 05/GUQ-UBND ngày 19/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái; có đơn xin vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Trường, chức vụ: Chủ tịch; có đơn xin vắng mặt.

3.3. Ông Hoàng CT, sinh năm 1983 và bà Vũ Hồng Phượng, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; có mặt ông Thức.

3.4. Ông Hoàng QV, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

3.5. Bà Hoàng Thị Thsinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Thịnh Hưng , huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phượng, ông Việt, bà Thắm: Ông Hoàng CT, sinh năm 1983 (theo giấy ủy quyền ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Giấy ủy quyền ngày 21 tháng 12 năm 2021); Có mặt.

3.6. Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

3.7. Ông Đỗ Văn Hưởng, sinh năm 1954 và bà Lê Thị Dung, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

3.8. Ông Nguyễn Văn Dvà bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; ông Diện vắng mặt; bà Hoa có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh trình bày và yêu cầu:

Năm 1968, Ủy ban hành chính tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 150/KH ngày 31-5-1968, phê chuẩn nhiệm vụ của Ban kiến thiết vùng hồ Thác Bà. Quyết định này đã tiến hành quy hoạch tổng hợp vùng hồ và lập quy hoạch sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất để trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn vùng Thác Bà, với tổng diện tích là 4.800 Héc ta đất. Năm 1975, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 336/TTG ngày 28-10-1975 thành lập Nông trường Văn Hưng, giao cho Nông trường Văn Hưng sử dụng 2.195 Héc ta đất để

sản xuất. Năm 1983, Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn (sau đây viết tắt là UBND) ban hành Quyết định số 76/QĐ-NN, phê duyệt ranh giới đất đai của nông trường quốc doanh Văn Hưng (tiền thân của Công ty chế biến, xuất khẩu chè Văn Hưng; Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Văn Hưng và sau khi cổ phần hoá là Công ty cổ phần chè VH - Sau đây gọi chung là Công ty chè Văn Hưng). Việc phê duyệt ranh giới được thể hiện trên bản đồ quy hoạch do Sở Nông lâm nghiệp tỉnh Hoàng Liên Sơn xây dựng, diện tích đất được giao theo bản đồ năm 1983 là 997,4 Héc-ta. Do trong quá trình sử dụng đất, có một số hộ dân đã sử dụng vào đất của Công ty được giao. Trong đó có gia đình Ông Hoàng VT đang sử dụng 72 ha (720.000m²). Nên ngày 15-7-2000, Công ty đã ban hành Công văn số 332/CV, thông báo về việc sẽ thu hồi một số diện tích đất các hộ dân đang sử dụng, để Công ty thực hiện dự án sản xuất kinh doanh theo nhiệm vụ. Theo kế hoạch của Công ty tại giai đoạn này, hộ gia đình Ông Hoàng VT phải trả lại cho công ty 10 ha đất (100.000m²), diện tích 62 ha đất còn lại, Công ty tiếp tục giao cho gia đình Ông Hoàng VT quản lý, bảo vệ. Ngày 04-10-2000, Công ty đã hỗ trợ cho gia đình Ông Hoàng VT số tiền 7.938.000 đồng, để gia đình thu hoạch sản phẩm trên diện tích đất Công ty đã thu hồi. Năm 2006, do chuyển đổi cơ chế sản xuất kinh doanh, nên Công ty chè Văn Hưng được UBND tỉnh Yên Bái cho thuê lại diện tích đất đang sử dụng. Theo quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006, Công ty được thuê 4.802.295,8m² đất để sản xuất, kinh doanh, thời hạn thuê là 50 năm (Đến hết ngày 20-5-2056). Trong đó diện tích đất được thuê tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái là 3.750.897,8m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số seri: 726497, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T01961 ngày 30-11-2006. Diện tích đất này bao gồm cả 62 ha đất Công ty giao cho gia đình Ông Hoàng VT quản lý, bảo vệ và 10 ha đất Công ty đã thu hồi của gia đình Ông Hoàng VT năm 2000. Ngày 23-3-2016, UBND tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 505/QĐ-UB, về việc thu hồi toàn bộ đất nông nghiệp đã giao cho Công ty tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình. Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh Yên Bái, Công ty đã yêu cầu các hộ dân đang sử dụng đất trả lại đất, để phía Công ty bàn giao lại diện tích đất được thuê. Nhưng gia đình Ông Hoàng VT không trả lại diện tích đất đã được giao quản lý, bảo vệ. Năm 2019, gia đình Ông Hoàng VT tiếp tục lấn chiếm thêm cả phần diện tích đất Công ty đã thu hồi năm 2000 (Năm 2000 thu hồi 10ha, nhưng thực tế thu hồi là 63.719,2m²). Do Công ty chưa thu hồi được diện tích đất bị các hộ dân lấn chiếm, sử dụng, nên chưa thể làm các thủ tục để thanh lý hợp đồng thuê đất, trả lại đất cho Nhà nước. Công ty chè Văn Hưng đã nhiều lần làm việc với gia đình Ông Hoàng VT, yêu cầu gia đình trả lại diện tích đất đã sử dụng nhưng gia đình Ông Hoàng VT không chấp hành, cho rằng toàn bộ diện tích đất đang sử dụng là đất gia đình ông đã được UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cấp cho sử dụng theo “Sổ quản lý vườn rừng” số 63 năm 1991. Công ty chè Văn Hưng cho rằng, việc gia đình Ông Hoàng VT không trả lại đất cho Công ty, việc UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cấp “Sổ quản lý vườn rừng” cho gia đình Ông Hoàng

VT sử dụng vào diện tích đất của Công ty đã được giao từ năm 1983, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Vì vậy, phía Công ty khởi kiện đề nghị giải quyết với các nội dung: Buộc gia đình Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY phải thu dọn toàn bộ cây cối, tài sản trên đất để trả lại cho Công ty chè Văn Hưng diện tích đất tranh chấp là: 398.968,7 m² (Trong đó bao gồm 63.719,2m² đất gia đình Ông Hoàng VT đã nhận tiền hỗ trợ để trả cho Công ty từ năm 2000, nhưng đến năm 2019 lại tái chiếm, và 335.249,5m² đất do Công ty giao quản lý, bảo vệ). Buộc gia đình Ông Hoàng VT phải trả cho công ty số tiền 233.915.000 đồng, là số tiền thuê đất do Công ty đã phải nộp trên diện tích đất gia đình Ông Hoàng VT đã sử dụng từ năm 2006 đến năm 2016. Yêu cầu huỷ “Sổ quản lý vườn rừng” số 63 năm 1991 của UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cấp cho hộ Ông Hoàng VT sử dụng 77 ha đất trồng cây gây rừng, có địa chỉ tại thôn 5, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Và huỷ Quyết định số: 52/QĐUB ngày 03-3-1992 của UBND huyện Yên Bình về việc “Giao đất và cho phép sản xuất kinh doanh ngành nghề” cho hộ gia đình Ông Hoàng VT. Không nhất trí với yêu cầu phản tố của phía bị đơn, Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY đưa ra về việc buộc Công ty chè Văn Hưng phải bồi thường số tiền 1.440.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) do đã thu hồi đất trái phép.

[2]. Bị đơn Ông Hoàng VT và bà Hoàng TY trình bày và đề nghị:

Gia đình Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY nguyên là công nhân của Xí nghiệp Công nông nghiệp chè Văn Hưng (Còn gọi là nông trường chè Văn Hưng) từ năm 1989. Trong thời gian công tác tại Xí nghiệp, do thấy đất bỏ trống, đồi trọc, dây leo cỏ rậm quá nhiều, nên năm 1989 ông đã đưa gia đình lên khai phá trồng cây lâm nghiệp trên đất bỏ hoang của nông trường chè Văn Hưng, diện tích khoảng 03 ha. Đến năm 1991, ông đã làm đơn đến cơ quan (khi đó ông Hoàng Gia làm giám đốc) và các cấp có thẩm quyền để xin được cấp đất. Ông Hoàng Gia đã đồng ý để gia đình ông làm thủ tục xin cấp 77 ha đất. Ngày 03-01-1992, UBND huyện Yên Bình đã ký quyết định giao cho gia đình ông 77 ha đất theo “Sổ quản lý vườn rừng” số: 63 (có sơ đồ kèm theo). Đến ngày 03-3-1992, UBND huyện Yên Bình ký quyết định giao toàn quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Vào khoảng năm 1993-1994, Lâm trường Thác Bà đã lấn chiếm của gia đình ông 32 ha, ông đã báo cáo sự việc lên Xí nghiệp chè Văn Hưng nhưng không giải quyết được. Khoảng năm 1994-1995, Nhà nước có chương trình khoanh nuôi, bảo vệ rừng. Gia đình ông đã tham khảo và khoanh nuôi ước là 50 ha và được nhận tiền khoanh nuôi, bảo vệ rừng là 50.000 đồng/01 ha. Đến năm 2000, Công ty chè Văn Hưng (Khi đó do bà Nguyễn Thị Minh làm giám đốc) đã tự ra quyết định thu hồi của gia đình ông 10ha để trồng chè. Gia đình ông đã đồng ý giao lại 10 ha đất cho công ty, nhận số tiền hỗ trợ cây non trên diện tích đất này là 7.939.000 đồng. Diện tích đất thực tế còn lại gia đình ông vẫn sử dụng là 35 ha, gia đình đã tổ chức trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp và các loại cây khác. Do bà Nguyễn Thị Minh thu hồi đất năm 2000 là không đúng, nên năm 2018, khi thấy Công ty chè Văn Hưng tổ chức chặt chè trên diện tích

đất đã thu hồi của gia đình từ năm 2000 để trồng cây lâm nghiệp, không đúng với mục đích sử dụng ban đầu là trồng chè. Gia đình ông đã làm đơn gửi UBND xã Thịnh Hưng để đòi lại diện tích 63.719,2m² đất này, nhưng hoà giải không thành. Đến năm 2019, gia đình ông đã tiếp tục sản xuất và đã trồng cây Keo, Quế, Bạch đàn và các cây lâm nghiệp khác trên diện tích 63.719,2m² đất bị thu hồi trước đây. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông đã cho một số người thân trong gia đình lên cùng canh tác trên diện tích đất được giao. Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY xác định toàn bộ diện tích đất 398.968,7m² gia đình đang sử dụng (Bao gồm cả diện tích 63.719,2m² đất gia đình ông bà đã nhận tiền hỗ trợ) là đất của gia đình, đã được cấp hợp pháp theo sổ quản lý vườn rừng năm 1992, số sổ 63 và Quyết định số 52 ngày 03-30/1992 của UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Vì vậy, đối với các yêu cầu của Công ty chè Văn Hưng đưa ra về việc đòi gia đình trả lại đất, yêu cầu phải trả tiền thuê đất và huỷ sổ quản lý vườn rừng, phía bị đơn đều không đồng ý. Tại các đơn đề nghị, đơn yêu cầu độc lập, đơn phản tố, đơn phản tố bổ sung, bị đơn yêu cầu giải quyết: Buộc Công ty chè Văn Hưng phải hoàn trả lợi tức trên diện tích đất đã thu hồi từ năm 2000 đến năm 2018 với số tiền là 1.440.000.000 đồng. Yêu cầu huỷ GCNQSDĐ số AE 726497, số vào sổ T01961, quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006 của UBND tỉnh Yên Bái, cấp cho Công ty chè Văn Hưng sử dụng đất tại thôn Hợp Nhất, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

[3]. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[3.1]. Ông Hoàng CT, ông Hoàng QV, bà Vũ Hồng Phượng bà Hoàng Thị Thắm có nội dung khai giống nhau, cụ thể: Các ông, bà là em gái và con trai, con dâu của Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY. Ngày 15-02-2014, gia đình đã thống nhất giao cho ông Hoàng CT, bà Vũ Hồng Phượng sử dụng 128.101,4m² đất; giao cho ông Hoàng QV cùng bà Hoàng Thị Thắm (*Là em gái Ông Hoàng VT*) sử dụng 140.591,8m² đất, trong số diện tích đất của gia đình đã được cấp sổ quản lý vườn rừng. Sau khi được chia đất, các ông, bà đã tổ chức trồng các loại cây lâm nghiệp gồm: Keo, Bạch đàn, Quế, Sưa... cây bản địa: Đa, Gạo, Ràng ràng, Chò chỉ, Dổi, Sồi...cây ăn quả: Bưởi, Nhãn, Vải, Hồng, Cam, Quýt, Trám...và cây thuốc nam các loại. Các ông, bà đều có ý kiến: Không nhất trí với yêu cầu do phía nguyên đơn, Công ty chè Văn Hưng đưa ra về việc buộc gia đình phải trả lại diện tích đất đang sử dụng và bồi thường tiền thuê đất. Yêu cầu tách phần đất đang sử dụng ra vì Công ty chè Văn Hưng đang được cấp đất chồng chéo lên đất của gia đình các ông, bà đã được cấp và đang sử dụng.

[3.2]. Ông Đỗ Văn Hưởng, bà Lê Thị Dung, ông Nguyễn Văn Diện, bà Nguyễn Thị Hoa trình bày: Gia đình ông Đỗ Văn Hưởng, bà Lê Thị Dung và gia đình ông Nguyễn Văn Diện, bà Nguyễn Thị Hoa hiện đang sử dụng một phần đất của Công ty chè Văn Hưng để trồng cây. Đến nay phía Công ty chè Văn Hưng không có yêu cầu gia đình các ông, bà phải trả lại nên các ông, bà vẫn đang sử dụng, không có ý kiến gì. Ông Nguyễn Văn Diện, bà Nguyễn Thị Hoa nhất trí với yêu cầu của Công ty chè Văn Hưng đề nghị Toà án huỷ sổ quản lý

vườn rừng và Quyết định “*Giao đất và cho phép sản xuất kinh doanh ngành nghề*” của UBND huyện Yên Bình cấp cho hộ gia đình Ông Hoàng VT. Đối với cả phần diện tích đất của gia đình đang sử dụng.

[3.3]. Ông Phạm Ngọc Th trình bày: Ông là bạn của Ông Hoàng VT. Vào năm 1992, Ông Hoàng VT có giao cho ông 8.900m² đất tại khu vực (*đồi Trung Quốc*), là một phần đất nằm trong diện tích 77 ha đất của gia đình Ông Hoàng VT được cấp đất làm vườn rừng. Việc giao đất giữa ông với Ông Hoàng VT chỉ thực hiện bằng miệng, không có giấy tờ gì. Bản thân ông đã sử dụng diện tích đất tại khu vực (*đồi Trung Quốc*) từ năm 1992 đến nay để trồng cây Keo. Hiện nay tại khu vực này, ông đang trồng cây Keo được 08 năm, có trị giá là 130.000.000 đồng. Do Ông Hoàng VT đã được UBND huyện Yên Bình cấp đất hợp pháp từ năm 1992, không có tranh chấp với Công ty chè Văn Hưng nên ông không đồng ý huỷ sổ quản lý vườn rừng của gia đình Ông Hoàng VT. Đồng thời ông không nhất trí với việc thu hồi cây trên khu vực đất ông đang sử dụng để trả đất cho Công ty chè Văn Hưng.

[3.4]. Người đại diện theo uỷ quyền của UBND tỉnh Yên Bái trình bày:

Công ty cổ phần chè VH (tiền thân là Nông trường Văn Hưng) được thành lập theo quyết định số 336/TTG ngày 28-10-1975 của Thủ tướng Chính phủ cho phép Uỷ ban hành chính tỉnh Yên Bái xây dựng Nông trường Văn Hưng, với tổng diện tích toàn bộ nông trường được giao quản lý, sử dụng là 2.195 ha phân bố trên địa bàn 06 xã thuộc 02 huyện, trong đó huyện Yên Bình có 02 xã: Phú Thịnh (786 ha) và Thịnh Hưng (675 ha gồm có cả diện tích đất đã cắt theo ranh giới địa chính của thị trấn Yên Bình). Ngày 06-9-1983, UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn có Quyết định số 76/QĐ-NN về việc phê duyệt ranh giới đất đai Nông trường Văn Hưng theo bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/25.000 do Phòng Quy hoạch Sở Nông nghiệp xây dựng, tại Quyết định này Nông trường Văn Hưng (sau đổi tên thành Công ty chế biến xuất khẩu chè Văn Hưng) được quy hoạch 999 ha để trồng cây công nghiệp, trong đó có 524,3 ha tại xã Thịnh Hưng (Gồm cả diện tích đất nay cắt theo ranh giới địa chính của thị trấn Yên Bình). Ngày 31-5-2004, UBND tỉnh Yên Bái có quyết định số 162/QĐ-UB phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển thành Công ty cổ phần chè VH. Ngày 08-12-2004, UBND tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 533/QĐ-UB, về việc phê duyệt dự án đo đạc lập bản đồ địa chính đất nông trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái, trong đó đo đạc lập bản đồ địa chính thuộc Công ty chè Văn Hưng là 960 ha. Ngày 02-02-2006, Công ty chè Văn Hưng có Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ngày 14-4-2006, Sở Tài nguyên và Môi trường có tờ trình số 66/TTrTĐ-STNMT, về việc cho Công ty chè Văn Hưng thuê đất, cấp GCNQSDĐ cho Công ty chè Văn Hưng. Đến ngày 10-5-2006, UBND tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 206/QĐ-UBND, về việc cho Công ty chè Văn Hưng thuê đất tại các xã Thịnh Hưng, Phú Thịnh, thị trấn Yên Bình...để sử dụng trồng chè và cấp GCNQSDĐ cho Công ty chè Văn Hưng. Với tổng diện tích 4.838.080,9 m²...trong đó diện tích đất tại thị trấn Yên Bình là 416.276,7m²...

Ngày 28-9-2006, Công ty chè Văn Hưng có đơn xin đăng ký biến động về sử dụng đất, xin cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất tại thị trấn Yên Bình, với diện tích đất gồm: 403.811,9 m² đất trồng cây công nghiệp và 240,8 m² đất cơ sở sản xuất, kinh doanh. Ngày 30-11-2006, UBND tỉnh Yên Bái đã cấp đổi GCNQSDĐ số T01961 (Số seri AE726497) tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình và GCNQSDĐ số T01964 (số seri AE 726500) tại thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình trên cơ sở diện tích được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006 của UBND tỉnh Yên Bái. Ngày 20-11-2007, UBND tỉnh Yên Bái ký Hợp đồng thuê đất số 203/2007/HĐTD với Công ty chè Văn Hưng, đối với diện tích đất là 4.802.295,8m² tại các xã Thịnh Hưng, Phú Thịnh, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình và xã Văn Lãng, huyện Trấn Yên. Việc cấp GCNQSDĐ số T01961, số seri AE726497 ngày 30-11-2006 cho Công ty chè Văn Hưng, được UBND tỉnh Yên Bái căn cứ vào các Điều 31, 49 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Điều 49; Điều 137 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai. Vì vậy, GCNQSDĐ do UBND tỉnh Yên Bái đã cấp cho Công ty chè Văn Hưng là đúng quy định về thẩm quyền, đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại thời điểm cấp giấy. Đề nghị giải quyết vụ án đúng pháp luật.

Ngày 23-3-2016, trên cơ sở đề nghị của Công ty cổ phần chè VH về việc trả lại diện tích đất được thuê, UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành quyết định thu hồi đất số 505/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất nông nghiệp và phi nông nghiệp của Công ty cổ phần chè VH đang quản lý, sử dụng tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Yên Bái quản lý theo quy hoạch...Theo Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 23-3-2016 của UBND tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Yên Bái được giao lập phương án và chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ, đồng thời quản lý đất theo quy hoạch. Tuy nhiên, trên thực tế Công ty cổ phần chè VH chưa bàn giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Yên Bái tại thực địa do chưa xử lý xong tài sản trên đất thu hồi...Mặc dù Nhà nước đã quyết định thu hồi đối với diện tích đất nêu trên, nhưng hiện nay chưa xử lý xong tài sản trên đất, các cơ quan liên quan chưa nhận bàn giao đất tại thực địa từ Công ty cổ phần chè VH, nên để đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty đối với quỹ đất đã thu hồi và khi bàn giao đất không có tranh chấp về sau, Sở Tài nguyên và môi trường nhất trí việc Công ty khởi kiện các đơn vị, cá nhân có liên quan đến diện tích đất này.

Theo nắm bắt hồ sơ liên quan đến vụ án, ngày 15-11-1991, Ông Hoàng VT và bà Hoàng TY có đơn xin giao cấp đất làm vườn rừng với diện tích 77ha, được Công ty cổ phần chè VH (Xí nghiệp công, nông nghiệp chè Văn Hưng trước đây) xác nhận, nội dung xác nhận có nêu: “Giao cho ông Thái đội trưởng đội 10 trực tiếp tổ chức, quản lý trồng rừng 30 năm”. Ngày 03-01-1992, UBND huyện Yên Bình có Quyết định số 45/QĐ-UB quyết định cấp đất làm vườn rừng (không nêu rõ thời hạn). Do đó, để đảm bảo quyền của các bên trong việc sử

dụng đất vườn rừng, đề nghị xin ý kiến của UBND huyện Yên Bình trong việc giao, cấp đất làm vườn rừng theo quy định của pháp luật.

Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006 của UBND tỉnh Yên Bái, về việc sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 10-5-2006 của UBND tỉnh Yên Bái, về việc cho Công ty cổ phần chè VH thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó có diện tích 3.750.897,0m² được cấp GCNQSDĐ, số AB726479, số vào sổ cấp GCNQSDĐ T01961. Việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần chè VH phải được thực hiện theo quy định của pháp luật. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.5]. Người đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện Yên Bình trình bày:

Ngày 06-9-1983, UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn có Quyết định số 76/QĐ-NN, về việc phê duyệt ranh giới đất đai cho nông trường Văn Hưng (trong đó có diện tích đất Ông Hoàng VT được cấp sổ quản lý vườn rừng năm 1992). Ngày 30-11-2006, Công ty chè Văn Hưng đã được UBND tỉnh Yên Bái cho thuê đất tại Quyết định số 567/QĐ-UB để trồng chè; GCNQSDĐ số vào sổ T01961 do UBND tỉnh cấp ngày 30-11-2006 cho Công ty cổ phần chè VH thuê diện tích 375,1ha để trồng cây công nghiệp lâu năm. Căn cứ Sổ quản lý vườn rừng số 63 do UBND huyện Yên Bình cấp cho Ông Hoàng VT ngày 03-01-1992. Về trình tự cấp đất, qua kiểm tra hồ sơ cấp sổ quản lý vườn rừng cho Ông Hoàng VT, chưa xác định căn cứ giao đất cho ông Thái có đúng hay không theo quy trình cấp đất (Theo thông tư số 46 của Bộ Nông nghiệp ngày 13-12-1982, hướng dẫn Quyết định 184 của Hội đồng Bộ trưởng ngày 06-11-1982). Theo hồ sơ lưu tại UBND huyện Yên Bình, hộ gia đình Ông Hoàng VT và ông Hoàng CT không có hồ sơ cấp phép xây dựng các công trình dân sinh, trên diện tích đất được UBND huyện Yên Bình cấp theo Quyết định số 45 ngày 03-01-1991, với mục đích để xây dựng vườn rừng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Đất đai năm 2013....việc xây dựng các công trình trên diện tích đất được giao để phát triển vườn rừng được coi là sử dụng đất không đúng mục đích. Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3.6]. UBND xã Thịnh Hưng cung cấp thông tin:

Theo quản lý đất trên địa bàn xã Thịnh Hưng, ngoài phần diện tích đất đang có tranh chấp với Công ty cổ phần chè VH, các thành viên hộ gia đình Ông Hoàng VT có diện tích đất nhà ở, đất trồng cây lâu năm tại thôn Trung Tâm, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình cụ thể gồm: Diện tích đất ở 319,0m², diện tích đất trồng cây lâu năm 287,3m², tờ bản đồ địa chính số 27. Ngoài ra, các thành viên trong hộ Ông Hoàng VT không còn diện tích đất nào khác trên địa bàn xã Thịnh Hưng.

[3.7]. Người làm chứng là ông Hoàng Gia (Nguyên giám đốc Xí nghiệp công nông nghiệp chè Văn Hưng) trình bày: Ông làm giám đốc Nông trường chè Văn Hưng (Sau đổi tên thành Xí nghiệp công nông nghiệp chè Văn Hưng) từ

năm 1990. Tại thời điểm năm 1990, Ông Hoàng VT là công nhân của Nông trường và giữ chức vụ đội trưởng đội 10. Năm 1991, Ông Hoàng VT có nộp đơn xin cấp đất làm vườn rừng vào ngày 15-11-1991. Diện tích đất Ông Hoàng VT xin cấp là 77 ha. Do thời điểm đó các diện tích đất trồng chè ngoài hồ Thác Bà do nước lớn nên công nhân đi làm khó khăn, một phần diện tích đất có độ dốc cao nên trồng chè không hiệu quả. Nên khi đó, Nông trường có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng. Vì vậy, ông đã ký xác nhận cho Ông Hoàng VT nhận khoán trong thời hạn 30 năm. Còn việc sau này Ông Hoàng VT xin cấp sổ vườn rừng thì ông không biết.

Ngày 25-3-2022, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đã xác định: Diện tích đất cấp chồng lấn trong sổ quản lý vườn rừng của gia đình Ông Hoàng VT với GCNQSDĐ, sổ vào sổ T01961 do UBND tỉnh cấp ngày 30-11-2006 cho Công ty cổ phần chè VH được đo đạc là 398.969,7m². Trong đó, diện tích đất đang có tranh chấp giữa Công ty chè Văn Hưng với gia đình Ông Hoàng VT là 397.472,0m², bao gồm các thửa: 07 thửa đất (Từ thửa số 01 đến thửa số 07) thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c, có tổng diện tích 86.248,8m²; 01 thửa đất (Thửa số 12) thuộc tờ bản đồ 11-403524-3-c, có diện tích 42.329,2m²; 05 thửa đất (Từ thửa số 01 đến thửa số 05) thuộc tờ bản đồ 13-403527-4-a, có tổng diện tích 112.560,4m²; 02 thửa đất (Gồm thửa số 01 và thửa số 02) thuộc tờ bản đồ 14-403527-4-b, có tổng diện tích 8.965,2m²; 01 thửa đất (Là một phần của thửa số 07) thuộc tờ bản đồ 17-403524-6-a, có diện tích 48.674,9m²; 01 thửa đất (Là một phần của thửa số 01) thuộc tờ bản đồ 18-403524-6-b, có diện tích 5.890,8m²; 02 thửa đất (Gồm thửa số 23 và thửa số 27) thuộc tờ bản đồ 24-403524-6-d, có tổng diện tích 29.473,6m²; 01 thửa đất (thửa số 01) thuộc tờ bản đồ 25-403527-7-a, có diện tích 53.329,1m²; Ngoài ra, gia đình ông Đỗ Văn Hưởng đang sử dụng 777,7m² đất tại thửa số 07, tờ bản đồ 17-403524-6-a. Gia đình ông Nguyễn Văn Đăng sử dụng 719,0m² đất tại thửa số 01, tờ bản đồ 18-403524-6-b. Đồng thời, gia đình Ông Hoàng VT còn sử dụng các phần đất nằm dưới cốt nước hồ Thác Bà, không thuộc phạm vi tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, 37, 39 khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 6, 32 Luật tố tụng hành chính; Căn cứ vào các Điều 13, 166, Điều 170, Điều 185, Điều 273, khoản 2 Điều 579 Bộ luật dân sự. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106, các Điều 166, 168, 203 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 3 Điều 11 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; điểm b khoản 4 Điều 13, Điều 27 Luật Đất đai năm 1987; Khoản 6 Điều 79 Luật Đất đai năm 1993. Quyết định số: 184/HĐBT ngày 06-11-1982 của Hội đồng Bộ trưởng; Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Toà án. Xử: Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần chè VH:

1. Buộc bị đơn: Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Hoàng CT, bà Vũ Hồng Phượng, ông Hoàng QV, bà Hoàng Thị Thắm và ông Phạm Ngọc Th phải thu hồi toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho Công ty cổ phần chè VH diện tích đất 397.472,0m², có địa chỉ tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

1.1. Thu hồi 2.585 cây Keo loại C và các công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 13.168,6m² đất. Vị trí đất tại thửa số 01 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc giáp phần công trình giao thông do ông Thái san tạo và giáp thửa số 5 đồi 70 - tờ bản đồ 13 - 403527-4-a (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Nam giáp công trình giao thông do ông Thái san tạo và giáp thửa số 4, là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Đông giáp đường giao thông do ông Thái tự san tạo (không có tranh chấp) và giáp thửa số 4, là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Tây giáp hồ Thác Bà và giáp thửa số 4, là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c. (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.2. Thu hồi 2.097 cây Bạch đàn loại D và các công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 12.131,0 m² đất. Vị trí đất tại thửa số 02 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc và phía Đông giáp phần diện tích ông Thái sử dụng trồng cây Tràm (Phần diện tích không có tranh chấp); Phía Tây giáp phần diện tích ông Thái sử dụng trồng cây Tràm (Phần diện tích không có tranh chấp) và giáp Hồ Thác Bà; Phía Nam giáp Hồ Thác Bà.

1.3. Thu hồi 1.979 cây Keo loại C và 90 cây Mít loại D và các công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 11.179,7m² đất. Vị trí đất tại thửa số 03 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc giáp hồ Thác Bà và giáp thửa số 4 (Là đường giao thông) - tờ bản đồ 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái), giáp đường giao thông do ông Thái san tạo, giáp phần diện tích cây Tràm do ông Thái trồng; Phía Đông giáp hồ Thác Bà và giáp phần diện tích cây Tràm do ông Thái trồng; Phía Tây và phía Nam giáp Hồ Thác Bà.

1.4. Thu hồi 192 cây Xoan loại C và các công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 3.969,4 m² đất. Vị trí đất tại thửa số 04 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Đông giáp Hồ Thác Bà, giáp thửa số 5 - Tờ bản đồ số 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái) và giáp thửa số 1 đồi 67 thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Tây giáp Hồ Thác Bà, giáp thửa số 5, tờ bản đồ số 19-403527-4-c, và giáp thửa số 1 đồi 67 thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Nam giáp Hồ Thác Bà và giáp thửa số 3, tờ bản đồ số 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Bắc giáp

Hồ Thác Bà, giáp thửa số 5, tờ bản đồ số 19-403527-4-c, và giáp thửa số 1 Đồi 67 thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.5. Thu hồi 1.386 cây Quế loại D; 40 cây Trám loại A; 38 cây Ràng ràng loại A; 1.400 cây Luồng loại A; 4.000 cây Luồng loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 23.002,0m² đất. Vị trí đất tại thửa số 05 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa số 12, đồi số 63 (Công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 24-403524-6-d (Diện tích đất không có tranh chấp) và giáp thửa số 4, tờ bản đồ số 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Nam giáp thửa số 4, là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Đông giáp thửa số 4 là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Tây giáp thửa số 9, 12, 13 đồi số 63 (Công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 24-403524-6-d (Diện tích đất không có tranh chấp), và giáp thửa số 4 là đường giao thông thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.6. Thu hồi 2.087 cây Keo loại B và các công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 12.864,2 m² đất. Vị trí đất tại thửa số 06 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều giáp công trình san tạo là đường giao thông do ông Thái làm.

1.7. Thu hồi các loại cây cối trên đất bao gồm: 04 cây Bưởi loại A; 61 cây Bưởi loại C; 09 cây Bưởi loại D; 06 cây Bưởi loại Đ; 15 cây Cam loại Đ; 100 cây Cam loại E; 17 cây Chanh loại C; 06 cây Chanh loại D; 01 cây Quất loại A; 05 cây Quất hồng bì loại A; 05 cây Quất hồng bì loại C; 01 cây Na loại A; 04 cây Đu đủ loại A; 01 cây Đu đủ loại C; 08 cây Xoài loại A; 01 cây Xoài loại B; 01 cây Trám loại A; 17 cây Trám loại B; 03 cây Sấu loại B; 01 cây Cà phê loại A; 04 cây Ổi loại A; 05 cây Ổi loại D; 01 cây Roi loại A; 01 cây Roi loại C; 01 cây Trứng gà loại B; 02 cây Trứng gà loại C; 02 cây Vú sữa loại B; 02 cây Mít loại A; 01 cây Mít loại D; 46 cây Mít loại Đ; 09 cây Mít loại E; 02 cây Hồng loại B; 02 cây Hồng loại C; 01 cây Hồng loại Đ; 09 cây Nhãn loại A; 01 cây Nhãn loại C; 01 cây Vải thiều loại A; 03 cây Vải thiều loại B; 05 cây Dừa loại A; 1 cây Dừa loại B; 20 khóm Dứa loại A; 04 cây Mận loại D; 01 cây Mận loại Đ; 01 cây Khế loại A; 03 khóm Chuối loại A; 10 cây Dâu tằm loại B; 23,5m² đất trồng cây Đinh lăng loại B; 05 cây Cọ loại A; 11 cây Cau loại A; 33 cây Cau loại D; 04 cây hoa Hồng loại A; 11 cây Trùm ngây loại B; 02 khóm Trầu không loại A; 05m² đất trồng cây Mía dò loại A; 01 cây Trứng cá loại A; 200 cây Sặt loại A; 100 cây Sặt loại B; 24 cây Vầu loại A; 279 cây Vầu loại B; 1 khóm Mây loại A; 04 khóm Mây loại B; 100 cây Luồng loại A; 56 cây Luồng loại B; 24 cây Xoan loại A; 57 cây Xoan loại B; 20 cây Sưa loại B; 55 cây Sưa loại C; 05 cây Sưa loại D; 35 cây Bạch đàn loại A; 02 cây Bạch đàn loại B; 09 cây Quế loại A; 10 cây Quế loại B; 206 cây Quế loại C; 230 cây Quế loại D; 01 cây Xoan chanh loại C; 01 cây Gạo loại A; 02 cây Gạo loại B; 01 cây Móc loại C; 01 cây Sung loại A; 03 cây Săng loại B; 06 cây Săng loại C; 01 cây Lát loại A; 04 cây Lát

loại C; 01 cây Vối loại B; 02 cây Lộc vừng loại A; 08 cây Lộc vừng loại B; 15 cây Lộc vừng loại C; 06 cây Dổi loại C; 02 cây Sồi loại C; 01 cây Đáng loại A; 01 cây Vàng khiêng loại B; 01 cây Vàng khiêng loại C; 12 cây Tách lai loại C; 14 cây Tách lai loại D; 01 cây Lim loại C; 04 cây Giẻ loại D; 01 cây Bo loại A; 02 cây Giàng giàng loại C; 03 cây Si loại A; 04 cây Si loại D; 07 cây hoa Ban loại B; 05 cây Keo loại A; 24 cây Keo loại B; 02 cây Keo loại C; 06 cây Keo loại D; 57 cây Tường Vi loại C; 06 cây Vạn tuế loại B; 01 cây hoa Ngọc lan loại A; 10 cây hoa Giấy loại B; 01 cây Láng hoa trắng loại A; 15 cây Mai cảnh loại B; 02m² đất trồng cây Xạ đen loại A; 02m² đất trồng cây Côi say loại A; 03m² đất trồng cây Trinh nữ hoàng cung loại C; 02 cây Chín mé (Gỗ rồng) loại A; 80m² đất trồng cây Cà gai Leo loại B; 04m² đất trồng cây Mỏ quạ loại A.

Các công trình trên đất, bao gồm: 01 nhà tạm gỗ bắt cặp phân loại nhóm, tranh, tre; nền đất không bó vỉa, diện tích 95,88m²; 01 bếp tạm, gỗ bắt cặp phân loại nhóm, tranh, tre; nền đất không bó vỉa, diện tích 19,24m²; 01 chuồng nuôi gia súc làm bằng tranh, tre, lợp lá cọ, diện tích 47,25m²; 01 chuồng nuôi gia cầm làm bằng tranh, tre, lợp lá cọ, diện tích 10,36m²; 01 bể nuôi cá: Dài 3,8m; rộng 2,2m; cao 1,9m; 01 Bồn nước INOX và các công trình đường đi, nền sân, vườn.

Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 9.933,9m² đất. Vị trí đất tại thửa số 07 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc giáp Hồ Thác Bà; Phía Đông giáp Hồ Thác Bà và phần công trình ông Thái san tạo; Phía Nam giáp Hồ Thác Bà và diện tích ông Thái trồng Tràm; Phía Tây giáp Hồ Thác Bà và đường giao thông đi chung (Đường đất).

1.8. Thu hồi 4.980 cây Keo loại B; 171 cây Tách loại B; 169 cây Xoan loại C; 25 cây Mít loại D; 49 cây Mít loại Đ và công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 42.329,2m² đất. Vị trí đất tại thửa số 12 Tờ bản đồ 11-403524-3-c, có ranh giới: Các phía Bắc, phía Tây đều giáp Hồ Thác Bà; Phía Đông giáp thửa đất số 13 đồi số 54 (Công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 11-403524-3-c (Diện tích đất không có tranh chấp); Phía Nam giáp thửa đất số 02, tờ bản đồ 17-403526-6-a (Ông Thái quản lý không có tranh chấp), giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ 17-403526-6-a (Ông Huệ quản lý không có tranh chấp), giáp thửa số 7, Tờ bản đồ số 17-403524-6-a (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái) và giáp Hồ Thác Bà.

1.9. Thu hồi 6.640 cây Keo loại A; 200 cây Trám loại A. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 49.886,0m² đất. Vị trí đất tại thửa số 01 Tờ bản đồ 13-403527-4-a, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc giáp Hồ Thác Bà.

1.10. Thu hồi 1.476 cây Keo loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 8.891,5m² đất. Vị trí đất tại thửa số 02 Tờ bản đồ 13-403527-4-a, có ranh giới: Các phía Đông, Nam, Bắc giáp Hồ Thác Bà; Phía Tây giáp đất ông Thái đang sử dụng.

1.11. Thu hồi 1.339 cây Keo loại C. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 6.698,8m² đất. Vị trí đất tại thửa số 03 Tờ bản đồ 13-403527-4-a, có ranh giới:

Các phía Bắc, Đông, Tây giáp Hồ Thác Bà; Phía Nam: Giáp thửa số 5 đồi 70 thuộc tờ bản đồ số 13-403527-4-a (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.12. Thu hồi 13.996 cây Bò đề loại C. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 34.991,2m² đất. Vị trí đất tại thửa số 04 Tờ bản đồ 13- 403527-4-a, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc giáp Hồ Thác Bà.

1.13. Thu hồi 10.919 cây Quế loại D và các công trình san tạo trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 22.092,9 m² đất. Vị trí đất tại thửa số 05 Tờ bản đồ 13-403527-4-a, có ranh giới: Phía Bắc giáp Hồ Thác Bà và thửa số 3 đồi số 71 thuộc tờ bản đồ số 13-403527-4-a (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Đông giáp công trình san tạo là đường giao thông do ông Thái làm; Phía Nam giáp Hồ Thác Bà và thửa số 1 đồi số 67 thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.14. Thu hồi 816 cây Keo loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 4.919,7m² đất. Vị trí đất tại thửa số 01 Tờ bản đồ 14-403527-4-b, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều giáp Hồ Thác Bà.

1.15. Thu hồi 671 cây Keo loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 4.045,5m² đất. Vị trí đất tại thửa số 02 Tờ bản đồ 14- 403527-4-b, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều giáp Hồ Thác Bà.

1.16. Thu hồi các tài sản là cây trồng trên đất, bao gồm: 42 cây Bưởi loại E; 37 cây Bưởi loại Đ; 66 cây Quýt loại E; 25 cây Mít loại D; 100 cây Mít loại Đ; 01 cây Khế loại C; 07 cây Dâu tằm loại A; 02 cây Vú sữa loại B; 05 cây Đu đủ loại B; 06 cây Na loại C; 03 cây Quất hồng bì loại C; 01 cây Rọc loại C; 15 khóm Dứa loại A; 15m² đất trồng cây Mạch môn loại A; 06 cây hoa Hồng loại A; 03 cây Đào loại D; 03m² đất trồng cây Đinh lăng loại B; 171 cây Téch loại B; 170 cây Xoan loại C; 01 cây Vối loại B; 02 cây Ngô đồng loại B; 01 cây Lộc vùng loại A; 3.220 cây Keo loại B; 3.000 cây Bò đề loại B; 1.000 cây Quế loại D.

- Các tài sản là công trình san tạo: Khu vực nhà ở, tổng diện tích là: 2.011,7m², bao gồm: 01 nhà xây cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng 99m²; mái lợp tôn xộp; xà gồ, vì kèo thép; tường thu hồi 110; cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ. Nền nhà, chân tường ốp lát gạch ceramic. Hiên trước nhà diện tích 30m², lát gạch ceramic; bậc tam cấp ốp lát đá granit; Thiết kế xây tường chịu lực dày 110; vữa xi măng 50#; Nền bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng quanh nhà: 18,97m²; 01 nhà bếp và công trình vệ sinh: Hiện trạng công trình là 01 nhà xây cấp IV, 01 tầng. Diện tích xây dựng: 35,26m²; Mái lợp tôn xộp; xà gồ thép, tường thu hồi 110, cửa đi bằng sắt; nền nhà lát gạch ceramic, bàn bếp đồ bê tông tại chỗ; ốp đá granit; khu vệ sinh ốp, lát gạch; Thiết kế xây tường chịu lực dày 110; vữa xi măng 50#; Bán mái trước nhà: Mái lợp tôn xộp; xà gồ, vì kèo thép. Diện tích 97,5m²; 01 sân trước nhà: Nền bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng, bó vỉa bằng gạch chỉ. Diện tích 98,1m²; 01 sân sau bếp: Nền bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng. Diện tích 22,77m²; 01 giếng khoan sâu 80m; 01 bồn nước INOX; 01 Bể

phốt (Dài 4,4m; rộng 2,3m; cao 2,0m). Và các công trình san tạo là đường đi quanh đồi, đường phân cấp: Diện tích là 3.512,7m².

Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 48.674,9m² đất. Vị trí đất là một phần của thửa số 07 Tờ bản đồ 17- 403524-6-a, có ranh giới: Phía Bắc giáp Hồ Thác Bà, giáp thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a (Ông Thái quản lý không có tranh chấp), giáp thửa số 3 (Ông Huệ quản lý) thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a (Diện tích đất không có tranh chấp) và giáp thửa số 12 Tờ bản đồ số 11-403524-3-c (Diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Đông giáp thửa số 4, đồi số 55 (Công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a, giáp thửa số 9 là đường giao thông (Công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a (Diện tích đất không có tranh chấp); Phía Nam giáp thửa số 9 (Là đường giao thông Công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a và giáp đất các hộ (Ông Thanh, ông Vượng, ông Sơn, bà Mai, bà Lương sử dụng); Phía Tây giáp các hộ (Ông Luyện, ông Chính, ông Đỗ Văn Hương sử dụng, không có tranh chấp) và giáp Hồ Thác Bà.

1.17. Thu hồi 1.178 cây keo loại C. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 5.890,8m² đất. Vị trí đất là một phần của thửa số 01 Tờ bản đồ số 18-403524-6-b, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, giáp Hồ Thác Bà; Phía Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Đăng sử dụng (Không có tranh chấp)

1.18. Thu hồi các tài sản là cây trồng trên đất, bao gồm: 229 cây Bưởi loại A; 06 cây Chanh loại B; 08 cây Quất loại B; 04 cây Xoài loại A; 02 cây Xoài loại D; 01cây Ổi loại C; 01 cây Trứng gà loại A; 04 cây Mít loại C; 145 cây Mít loại D; 110 cây Trám loại B; 14 cây Quế loại B; 4.400 cây Quế loại D; 1.673 cây Quế loại Đ; 76 cây Sưa loại B; 03 Cây gạo loại A; 01 cây Gù hương loại A; 01 cây Lem loại A; 55 cây Trò chỉ loại A; 332 cây Keo loại B; 40m² đất trồng cây Đinh lăng loại B.

- Các tài sản là công trình san tạo: 01 giếng đào đường kính 1,4m; sâu 17m; quán gạch chỉ bi giếng 18m và nền giếng có diện tích là 279,5m².

Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 29.340,2m² đất. Vị trí đất tại thửa số 23 Tờ bản đồ số 24- 403524-6-d, có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa số 14 đồi 62, thửa số 9, thửa 13 đồi 63 do Công ty quản lý và thửa 24 đều thuộc tờ bản đồ số 24-403524-6-d (Diện tích đất không có tranh chấp); Phía Đông và phía Nam giáp đường đất (Đường giao thông đi chung); Phía Tây giáp đường đất là đường giao thông đi chung và thửa số 14 đồi 62 do Công ty quản lý đều thuộc tờ bản đồ số 24-403524-6-d (Diện tích đất không có tranh chấp).

1.19. Thu hồi 45 cây Keo loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 133,4m² đất. Vị trí đất tại thửa số 27 Tờ bản đồ số 24-403524-6-d, có ranh giới: Phía Đông, phía Bắc giáp đường đất (Đường giao thông đi chung); Phía Tây và phía Nam giáp Hồ Thác Bà.

1.20. Thu hồi các tài sản là cây trồng trên đất, bao gồm: 41 cây Bưởi loại A; 05 cây Bưởi loại Đ; 61 cây Bưởi loại E; 25 cây Cam loại Đ; 25 cây Vải thiều

loại A; 07 cây Hồng loại A; 6 cây Xoài loại C; 05 cây Vú sữa loại B; 01 cây Khế loại A; 110 cây Cau loại D; 40 cây Vầu loại B; 19 cây Mít loại D; 38 cây Quế loại B; 8.290 cây Quế loại D; 3.004 cây Keo loại B; 10 cây Xoan loại A; 82 cây Xoan loại C; 07 cây Giàng giàng loại A; 8 cây Trám loại A; 01 cây Trám loại B; 16 cây Sưa loại C; 70 cây Hóp loại A; 55 cây Hóp loại B; 01 cây Lộc vừng loại A; 16 cây Lộc vừng loại B; 16 cây Si loại C; 01 cây Sui loại A; 13 cây Sồi loại C.

- Các công trình trên đất, bao gồm: 01 Lán gỗ làm bằng tranh, tre, mái lợp bạt dừa. Diện tích 61,75m²; 04 bể ngâm sắn bằng bê tông, mỗi bể rộng 1m; cao 1m; dày 0,06m. Và các công trình san tạo trên đất.

Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 53.329,1m² đất. Vị trí đất tại thửa số 01 Tờ bản đồ số 25-403527-7-a, có ranh giới: Phía Bắc và phía Nam giáp Hồ Thác Bà; Phía Đông, phía Tây giáp Hồ Thác Bà và các công trình san tạo do ông Thái làm (Không có tranh chấp).

(Các loại cây cối, tài sản trên đất được xác định tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ; Chiều dài cạnh của các thửa đất thể hiện trên sơ đồ thẩm định kèm theo bản án).

2. Buộc Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY phải trả cho Công ty cổ phần chè VH số tiền thuê đất trong 11 năm (Từ năm 2006 đến năm 2016) là: 233.915.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng).

3. Huỷ một phần “Sổ quản lý vườn rừng” số 63 năm 1991 và Quyết định số: 52/QĐUB ngày 03-3-1992 của Ủy ban nhân dân huyện YB về việc “giao đất và cho phép sản xuất kinh doanh ngành nghề” cho hộ Ông Hoàng VT. Đối với phần diện tích đất là 398.968,7m² của 20 thửa đất có địa chỉ tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Bao gồm diện tích đất tại các thửa số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 tờ bản đồ số 19-403527-4-c; các thửa số 01, 02, 03, 04, 05 tờ bản đồ số 13-403527-4-a; thửa số 01 tờ bản đồ số 18-403524-6-b; thửa số 12 tờ bản đồ số 11-403524-3-c; các thửa số 01, 02 tờ bản đồ số 14-403527-4-b; thửa số 07 tờ bản đồ số 17-403524-6-a; các thửa số 23, 27 tờ bản đồ số 24-403524-6-d và thửa số 01 tờ bản đồ số 25-403527-7-a.

4. Không chấp nhận các yêu cầu của bị đơn về việc buộc Công ty cổ phần chè VH phải hoàn trả lợi tức trên diện tích đất đã thu hồi từ năm 2000 đến năm 2018 với số tiền là 1.440.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 726497, số vào sổ: T01961, quyết định số: 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, cấp cho Công ty cổ phần chè VH sử dụng 3.750.897,0m² đất tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/3/2023 đồng bị đơn Ông Hoàng VT và bà Hoàng TY có đơn kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-DS ngày 14/3/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn và Luật sư đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định pháp luật. Về đường lối giải quyết đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-DS ngày 14/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái và sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận phần khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải hoàn trả tổng số tiền thuê đất 233.915.000 đồng, trên diện tích đất 334.471,8m² từ năm 2006 đến năm 2016, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Cấp sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa vắng một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện giải quyết tranh chấp đất đai, huỷ quyết định cá biệt về việc giao đất để trồng rừng năm 1991, Quyết định số 52/QĐ-UB ngày 03/3/1992 của UBND huyện Yên Bình, đòi bồi thường tài sản; bị đơn có yêu cầu bồi thường tài sản, huỷ một phần GCNQSDĐ của UBND tỉnh Yên Bái cấp có Công ty cổ phần chè VH. Mặc dù, UBND tỉnh Yên Bái có Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 23/3/2016, về việc thu hồi đất nông nghiệp và phi nông nghiệp của Công ty cổ phần chè VH đang quản lý, sử dụng tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Trong đó, bao gồm cả diện tích đất có tranh chấp. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng chưa thực hiện việc thu hồi đất trên thực địa, chưa lập phương án và chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất. Người sử dụng đất là Công ty cổ phần chè VH cũng chưa giao nộp GCNQSDĐ, chưa bàn giao đất cho Nhà nước. Do các bên chưa thực hiện việc bàn giao, thu hồi đất theo quy định của Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Công ty cổ phần chè VH vẫn có các quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 Luật Đất đai, nên vụ án không thuộc trường hợp phải đình chỉ theo điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 26, 34, 37, 39 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự; Điều 6, 32 Luật Tổ tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn:

[3.1]. Xét nguồn gốc đất đang tranh chấp: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tại Quyết định số 336/TTG ngày 28-10-1975 của Thủ tướng chính phủ; Quyết định số 76/QĐ-NN ngày 06-9-1983 của UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn; Bản đồ quy hoạch tổ chức lại sản xuất Nông trường quốc doanh Văn Hưng; Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 10-5-2006 và Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006 của UBND tỉnh Yên Bái đều thể hiện: Diện tích đất đang có tranh chấp giữa Công ty chè Văn Hưng với gia đình Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY là phần đất nằm trong tổng diện tích đất đã được Ủy ban hành chính tỉnh Yên Bái quy hoạch xây dựng Nông trường quốc doanh Văn Hưng, theo Quyết định số 336/TTG ngày 28-10-1975 của Thủ tướng Chính phủ. Đến năm 1983, UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn đã giao cho Công ty chè Văn Hưng sử dụng. Năm 2006, UBND tỉnh Yên Bái cho Công ty chè Văn Hưng tiếp tục thuê đất để trồng cây công nghiệp lâu năm và đã cấp GCNQSDĐ số AE 726497, số vào sổ T01961, Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006; có địa chỉ tại xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Tại lời khai ngày 23-11-2021 Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY cũng thừa nhận: "... Năm 1989 ông đã đưa gia đình lên khai phá trồng cây lâm nghiệp trên đất bỏ hoang của nông trường chè Văn Hưng, diện tích khoảng 03ha. Đến năm 1991, ông đã làm đơn đến cơ quan (khi đó ông Hoàng Gia làm Giám đốc) và các cấp có thẩm quyền để xin được cấp đất. Ông Hoàng Gia đã đồng ý để gia đình ông làm thủ tục xin cấp 77 ha đất...". Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là đất của Công ty chè Văn Hưng được UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn (sau là tỉnh Yên Bái) giao cho sử dụng từ năm 1983 đến nay.

[3.2]. Xét quá trình sử dụng và diện tích tranh chấp đất: Lời khai của nguyên đơn thì kể từ khi được giao đất, Công ty chè Văn Hưng đã sử dụng đất vào mục đích trồng cây công nghiệp để phục vụ sản xuất. Năm 1991, Giám đốc Công ty chè Văn Hưng (khi đó là ông Hoàng Gia - Giám đốc Xí nghiệp Công, nông nghiệp chè Văn Hưng) có giao cho gia đình Ông Hoàng VT quản lý 77 ha đất để trồng rừng trong 30 năm. Đến năm 2000, do Công ty chè Văn Hưng có nhu cầu sử dụng đất nên đã yêu cầu gia đình Ông Hoàng VT bàn giao lại một phần diện tích đất đang được giao quản lý, sử dụng trồng rừng. Gia đình Ông Hoàng VT đã bàn giao lại cho Công ty chè Văn Hưng 10ha đất và nhận tiền đền bù, hỗ trợ cây trồng trên đất. Diện tích đất còn lại phía Công ty chè Văn Hưng tiếp tục giao cho hộ Ông Hoàng VT quản lý, bảo vệ. Năm 2019, gia đình Ông Hoàng VT tiếp tục lên lần chiếm lại phần diện tích đất đã bàn giao cho Công ty từ năm 2000. Do UBND tỉnh Yên Bái có chủ trương thu hồi đất đã cho Công ty chè Văn Hưng thuê từ năm 2006, nên Công ty chè Văn Hưng yêu cầu các gia đình đang sử dụng đất bàn giao lại đất của Công ty để trả cho Nhà nước, trong đó gia đình Ông Hoàng VT phải bàn giao lại cả diện tích đất tái chiếm năm 2019

và diện tích đất được Công ty giao quản lý, bảo vệ nhưng gia đình Ông Hoàng VT không chấp hành nên dẫn đến tranh chấp. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của ông Hoàng Gia (nguyên Giám đốc Xí nghiệp Công, nông nghiệp chè Văn Hưng, là tiền thân của Công ty chè Văn Hưng), có nội dung “...Đã ký xác nhận cho Ông Hoàng VT nhận khoán 77ha đất của Công ty trong thời hạn 30 năm...”, phù hợp với nội dung Thông báo số 401/TB ngày 20 tháng 8 năm 2000 của Công ty chế biến, xuất khẩu chè Văn Hưng: “Riêng 72 ha đất tại đơn vị đội 4. Giám đốc giao cho Ông Hoàng VT quản lý được giải quyết cụ thể như sau:... thu hồi 10 ha đất tự nhiên (nằm trong 72 ha) tại xung quanh đồi chè 70 của đội 4 về đến đội 6 cũ... Diện tích 62 ha còn lại. Giám đốc tiếp tục giao cho Ông Hoàng VT quản lý, bảo vệ...”. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác bao gồm: Các Biên bản làm việc ngày 26-8-2000, ngày 18-9-2000, ngày 21-9-2000 và ngày 03-10-2000, có nội dung: Đo đạc và kiểm kê cây trồng trên đất của gia đình Ông Hoàng VT đang sử dụng tại các đồi 62b, 65, 66, 67, 72, 70b để giao trả đất theo Thông báo số 401/TB ngày 20 tháng 8 năm 2000 của Công ty chế biến, xuất khẩu chè Văn Hưng. Tại Phiếu chi số 1554 ngày 04-10-2000 thể hiện: “...Ông Hoàng VT đã nhận số tiền hỗ trợ là: 7.938.000 đồng. Chi tiền hỗ trợ thu hoạch sản phẩm trên diện tích đất được thu hồi”. Tại Biên bản hoà giải tranh chấp đất đai ngày 25-02-2019 do UBND xã Thịnh Hưng lập, về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình Ông Hoàng VT với Công ty chè Văn Hưng và các đơn vị sử dụng đất tại các đồi 66, 67, 70, 71, 72. Tại thời điểm giải quyết tranh chấp, trên đất đã được Công ty chè Văn Hưng và các đơn vị sử dụng đất đã phát quang để chuẩn bị trồng cây, thì gia đình Ông Hoàng VT đã tổ chức trồng cây vào vì cho rằng là đất của gia đình ông Thái đã sử dụng trước đó. Tại Biên bản hiện trạng tại khu vực dải đồi 70 do Công an xã Thịnh Hưng lập ngày 12-4-2019, thể hiện:... “Ông Hoàng VT đã trồng cây quế con lên các đồi số 66, 67, 70, 71, 72 (Gọi chung là dải đồi 70) vào ngày 01-4-2019, số lượng cây trồng là 9.200 cây”. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định, Công ty chè Văn Hưng (và các tiền thân của Công ty) là đơn vị trực tiếp sử dụng diện tích đất có tranh chấp từ năm 1983 đến năm 1992. Từ năm 1992, Giám đốc Công ty là ông Hoàng Gia có đồng ý để gia đình Ông Hoàng VT sử dụng đất trồng rừng. Năm 2000, gia đình Ông Hoàng VT đã trả lại cho Công ty chè Văn Hưng một phần trong tổng diện tích đất được Công ty cho sử dụng, đã nhận tiền đền bù cây trồng trên đất. Sau khi gia đình Ông Hoàng VT trả lại đất, Công ty chè Văn Hưng đã tiếp tục sử dụng diện tích đất này. Đến đầu năm 2019 gia đình Ông Hoàng VT lên lần chiếm lại phần đất đã trả cho Công ty chè Văn Hưng thì xảy ra tranh chấp. Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đã xác định: Tổng diện tích đất đo thực tế của từng thửa đất là 398.969,7m²; Trong đó, gia đình ông Đỗ Văn Hưởng đang sử dụng 777,7m² trong tổng số 49.452,6m² đất thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 17-403524-6-a và gia đình ông Nguyễn Văn Đăng sử dụng 719m² đất trong tổng số 6.609,8m² đất thuộc thửa số 01 tờ bản đồ số 18-403524-6-b. (Diện tích đất gia đình ông Đỗ Văn Hưởng và gia đình ông Nguyễn Văn Đăng sử dụng, nguyên đơn không khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, nên

không tính là đất có tranh chấp trong vụ án này). Như vậy, diện tích đất tranh chấp giữa Công ty chè Văn Hưng với gia đình Ông Hoàng VT là 397.472,0m², bao gồm 20 thửa đất, trong đó có các thửa số 01; 03; 04 tờ bản đồ số 19-403527-4-c; các thửa số 03, 05 tờ bản đồ số 13-403527-4-a; thửa số 01 tờ bản đồ số 18-403524-6-b, với tổng diện tích là: 63.000,2m² là đất hộ Ông Hoàng VT đã nhận tiền hỗ trợ, bồi thường năm 2000 nhưng tái chiếm. Các thửa số 02, 05, 06, 07 tờ bản đồ số 19-403527-4-c; thửa số 12 tờ bản đồ số 11-403524-3-c; các thửa 01, 02, 04 tờ bản đồ số 13-403527-4-a; các thửa số 01, 02 tờ bản đồ số 14-403527-4-b; thửa số 07 tờ bản đồ số 17-403524-6-a; các thửa số 23, 27 tờ bản đồ số 24-403524-6-d và thửa số 01 tờ bản đồ số 25-403527-7-a. Có tổng diện tích là 334.471,8m² đất, do gia đình Ông Hoàng VT sử dụng từ năm 1992. Toàn bộ diện tích đất có tranh chấp với hộ gia đình Ông Hoàng VT đều nằm trong quy hoạch của Quyết định số 150/KH ngày 31-5-1968 của Ủy ban hành chính tỉnh Yên Bái; Quyết định số 76/QĐ-NN ngày 06-9-1983 của UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn và nằm trong GCNQSDĐ số AE 726497 vào sổ cấp GCNQSDĐ 1961, Quyết định số 567/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái cấp ngày 30-11-2006 cấp cho Công ty cổ phần chè VH. Ngoài các diện tích đất nêu trên, trên thực tế gia đình Ông Hoàng VT còn đang sử dụng 17.732,6m² đất nằm ngoài GCNQSDĐ số AE 726497 đã cấp cho Công ty chè Văn Hưng. Đồng thời còn trồng cây rải rác tại phần đất ven đường giao thông nối liền một số thửa đất.

[3.3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Diện tích đất tranh chấp theo Quyết định số 336/TTG ngày 28/10/1975 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 76/QĐ-NN ngày 06/9/1983 của UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn; Bản đồ quy hoạch tổ chức lại sản xuất Nông trường quốc doanh Văn Hưng; Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 10/5/2006 và Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của UBND tỉnh Yên Bái. Điều thể hiện: Diện tích đất đang có tranh chấp giữa Công ty chè Văn Hưng với gia đình Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY là phần đất nằm trong tổng diện tích đất đã được Ủy ban hành chính tỉnh Yên Bái quy hoạch xây dựng Nông trường. Đến năm 1983, UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn đã giao cho Công ty chè Văn Hưng sử dụng. Năm 2006, UBND tỉnh Yên Bái cho Công ty chè Văn Hưng tiếp tục thuê đất để trồng cây công nghiệp lâu năm và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 726497, sổ vào sổ T01961; Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006, địa chỉ tại xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Căn cứ lời khai ngày 25/11/2020 của ông Hàng Văn Thái, bà Hoàng TY cũng thừa nhận: “Năm 1989 ông đã đưa gia đình lên khai phá trồng cây lâm nghiệp trên đất bỏ hoang của nông trường chè Văn Hưng, diện tích khoảng 03ha. Đến năm 1991, ông đã làm đơn đến cơ quan (khi đó ông Hoàng Gia làm Giám đốc) và các cấp có thẩm quyền để xin được cấp đất. Ông Hoàng Gia đã đồng ý để gia đình ông làm thủ tục xin cấp 77ha đất...”. Công ty chè Văn Hưng đã sử dụng đất vào mục đích trồng cây công nghiệp để phục vụ sản xuất. Năm 1991, Giám đốc Công ty chè Văn Hưng (khi đó là ông Hoàng Gia - Giám đốc xí nghiệp công, nông nghiệp chè Văn Hưng) có giao cho

gia đình Ông Hoàng VT sử dụng, quản lý 77 ha đất để trồng rừng trong 30 năm (theo đơn xin cấp đất làm vườn rừng có nội dung xác nhận này, đến nay không còn bản chính nên không được sử dụng làm tài liệu chứng cứ, nhưng nội dung trên phù hợp với lời khai của ông Hoàng Gia khai ngày 28/10/2022). Đến năm 2000, do Công ty chè Văn Hưng có nhu cầu sử dụng đất, nên đã yêu cầu gia đình ông Thái bàn giao lại 10 ha đất và nhận tiền đền bù, hỗ trợ cây trồng trên đất là tiền 7.938.000 đồng. Diện tích đất còn lại (62 ha) Công ty tiếp tục giao cho hộ Ông Hoàng VT quản lý, bảo vệ. Năm 2019, gia đình Ông Hoàng VT tiếp tục lên lần chiếm lại phần diện tích đất đã bàn giao cho Công ty từ năm 2000. Năm 2016, UBND tỉnh Yên Bái có Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất cho Công ty chè Văn Hưng thuê từ năm 2006, nên Công ty chè Văn Hưng đã yêu cầu các gia đình đang sử dụng đất bàn giao lại đất của Công ty để trả cho Nhà nước, trong đó gia đình Ông Hoàng VT phải bàn giao lại cả diện tích đất tái chiếm năm 2019 và diện tích đất được Công ty giao quản lý, bảo vệ. Việc UBND huyện Yên Bình cấp “Sổ quản lý vườn rừng” số 063 năm 1991 và ban hành Quyết định số 52/QĐUB ngày 03/3/1992, về việc “giao đất và cho phép sản xuất kinh doanh ngành nghề” cho hộ Ông Hoàng VT sử dụng 77ha đất trồng cây gây rừng. Cấp chồng lấn lên đất do UBND tỉnh Yên Bái đã cấp cho Công ty cổ phần chè VH (và các tiền thân) sử dụng từ năm 1983. Như vậy, việc cấp sổ vườn rừng và quyết định giao đất của Ủy ban nhân dân huyện YB là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 1991 điểm b, khoản 4 Điều 13 Luật Đất đai năm 1987 và Quyết định 184 của Hội đồng Bộ trưởng ngày 06/11/1982 nên việc giao đất của UBND huyện Yên Bình cho gia đình Ông Hoàng VT là vi phạm về thẩm quyền giao đất; giao đất không đúng với quy hoạch của UBND tỉnh, vượt quá diện tích đất được phép giao. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định diện tích có tranh chấp là 397.472,0m². Phần diện tích đất còn lại có trong sổ quản lý vườn rừng và quyết định giao đất nêu trên, hiện nay hộ Ông Hoàng VT và một số gia đình khác đang sử dụng, không có tranh chấp, nên chưa xác định được tính hợp pháp của người sử dụng đất trên thực tế, phía Công ty không khởi kiện đối với diện tích đất còn lại. Đối với yêu cầu buộc gia đình Ông Hoàng VT phải thu dọn toàn bộ cây cối, tài sản trên đất để trả lại nguyên trạng đất: Theo nội dung Thông báo số 401/TB ngày 20-8-2000 của Công ty chè Văn Hưng cũng đã thông báo về việc thu hồi 10ha đất và “tiếp tục giao cho Ông Hoàng VT quản lý, bảo vệ 62ha đất chưa thu hồi”. Mặt khác, ông Hoàng Gia, nguyên Giám đốc Xí nghiệp công, nông nghiệp chè Văn Hưng đồng thời là người trực tiếp giải quyết cho gia đình Ông Hoàng VT sử dụng đất cũng khẳng định: “Diện tích đất ông Hoàng Văn xin cấp là 77ha ... ông đã ký xác nhận cho Ông Hoàng VT nhận khoán trong thời hạn 30 năm”. UBND huyện Yên Bình cấp trong sổ vườn rừng cho hộ ông Thái là vi phạm. Như vậy, gia đình ông Thái chỉ được giao khoán đối với diện tích đất được giao trong thời gian là 30 năm, kể từ ngày 15/11/1991. Hết thời hạn này, gia đình Ông Hoàng VT phải xử lý các tài sản của mình trên đất để trả lại quyền sử dụng, đối với diện tích đất được giao cho chủ sử dụng đất là Công ty chè Văn Hưng,

theo quy định của Điều 273 Bộ luật Dân sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần chè VH, buộc bị đơn Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có ông Hoàng CT, bà Vũ Hồng Phượng, ông Hoàng QV, bà Hoàng Thị Thắm và ông Phạm Ngọc Th phải thu hồi toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho Công ty cổ phần chè VH diện tích đất 397.472,0m², có địa chỉ tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái và huỷ một phần Sổ quản lý vườn rừng số 63 năm 1991 và Quyết định số 52/QĐUB ngày 03-3-1992 của Ủy ban nhân dân huyện YB, về việc giao đất và cho phép sản xuất kinh doanh ngành nghề cho hộ Ông Hoàng VT. Đối với phần diện tích đất là 398.968,7m² của 20 thửa đất có địa chỉ tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái là có căn cứ.

[3.4]. Xét yêu cầu của bị đơn: Bị đơn buộc Công ty cổ phần chè VH phải hoàn trả lợi tức trên diện tích đất đã thu hồi từ năm 2000 đến năm 2018 với số tiền là 1.440.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 726497 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, xét thấy: Diện tích đất do Công ty chè Văn Hưng thu hồi lại từ gia đình Ông Hoàng VT năm 2000, là đất của Xí nghiệp Công nông nghiệp chè Văn Hưng được Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn (tiền thân của tỉnh Yên Bái) cấp theo Quyết định số 76/QĐ-NN, về việc phê duyệt ranh giới đất đai cho nông trường Văn Hưng. Do diện tích đất Công ty chè Văn Hưng thu hồi năm 2000 không thuộc quyền sử dụng của gia đình Ông Hoàng VT, nên việc Công ty chè Văn Hưng thu hồi lại đất không thuộc trường hợp phải bồi thường trị giá đất bị thu hồi theo quy định tại khoản 6 Điều 79 Luật Đất đai năm 1993. Trong quá trình thu hồi đất, Công ty chè Văn Hưng cũng đã hỗ trợ cho gia đình Ông Hoàng VT trị giá các loại cây trồng trên đất bị thu hồi, quyền lợi của gia đình Ông Hoàng VT trong quá trình sử dụng đất đã được đảm bảo. Gia đình Ông Hoàng VT cũng không có khiếu nại gì về việc Công ty chè Văn Hưng thu hồi đất, thể hiện gia đình ông Thái tự nguyện trả lại đất cho chủ sử dụng hợp pháp. Ngoài ra, Ông Hoàng VT yêu cầu xem xét việc UBND tỉnh Yên Bái cấp GCNQSDĐ số AE 726497, số vào sổ T01961, Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 cho Công ty cổ phần chè VH sử dụng 3.750.897,0m² đất tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, đã cấp đất chồng lấn lên diện tích đất gia đình ông Thái được UBND huyện Yên Bình cấp sổ quản lý vườn rừng, cho sử dụng 77ha đất. Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 150/KH ngày 31/5/1968 của Ủy ban hành chính tỉnh Yên Bái, Quyết định số 76/QĐ-NN ngày 06/9/1983 của UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn, thì diện tích đất của Công ty được cấp năm 1983, còn diện tích đất cấp cho ông gia đình Ông Hoàng VT năm 1991, trong khi đó ông Thái phải làm đơn xin Giám đốc Xí nghiệp là ông Gia đồng ý mới được cấp đất. Như vậy, Công ty chè Văn Hưng là đơn vị sử dụng đất trước và liên tục, theo các quyết định của UBND tỉnh Yên Bái từ năm 1983. Gia đình Ông Hoàng VT được giao sử dụng đất từ năm 1992, nên việc gia đình Ông Hoàng VT cho rằng đất của Công ty chè Văn Hưng được giao chồng lấn lên đất của gia đình ông đã

được giao từ trước là không có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu của bị đơn về việc buộc Công ty cổ phần chè VH phải hoàn trả lợi tức trên diện tích đất đã thu hồi từ năm 2000 đến năm 2018, với số tiền là 1.440.000.000 đồng và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 726497, số vào sổ T01961; Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, cấp cho Công ty cổ phần chè VH sử dụng 3.750.897,0m² đất tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định.

[4]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái và kháng cáo của bị đơn:

[4.1]. Xét kháng cáo của bị đơn: Như nhận định tại mục [3.4], yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án, do vậy Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn.

[4.2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát:

[4.2.1]. Chứng cứ có trong hồ sơ đều thể hiện: Đối với diện tích đất 63.000,2m², sau khi thu hồi năm 2000, Công ty chè Văn Hưng là người trực tiếp sử dụng từ năm 2000 đến năm 2019, nên việc Công ty phải nộp tiền thuê đất là phù hợp. Đối với diện tích đất 334.471,8m² gia đình Ông Hoàng VT sử dụng từ năm 1992 đến năm 2005, Công ty chè Văn Hưng yêu cầu bồi thường số tiền 233.915.000đ đã nộp tiền thuê đất từ năm 2006 đến năm 2016 cho Nhà nước, xét thấy: Năm 1983, UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn ban hành Quyết định số 76, giao diện tích đất theo bản đồ năm 1983 là 997,4 ha, theo quy định Công ty cổ phần chè VH không phải đóng tiền thuê đất cho Nhà nước. Năm 2006, do chuyển đổi cơ chế, Công ty chè Văn Hưng được UBND tỉnh Yên Bái cho thuê lại diện tích đang sử dụng, theo Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 với diện tích 4.802.295,8m² để sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 50 năm. Trong đó, diện tích đất được thuê tại xã Thịnh Hưng là 3.750.897,8m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất này bao gồm cả 10 ha đất Công ty đã thu hồi của hộ gia đình ông Thái năm 2000, 62 ha đất Công ty đang giao cho gia đình ông Thái quản lý, bảo vệ, được thể hiện tại Thông báo số 401/TB ngày 20/8/2000 của Giám đốc Công ty cổ phần chè VH. Ngày 23/3/2016, UBND tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 505/QĐ-UBND, về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất nêu trên của Công ty chè Văn Hưng. Các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, Công ty chè Văn Hưng giao cho gia đình Ông Hoàng VT (mượn) diện tích đất nêu trên, chỉ có thỏa thuận về quản lý, bảo vệ đất, không có thỏa thuận gì về việc hộ ông Thái phải đóng tiền thuê đất hoặc phải thực hiện nghĩa vụ tài chính nào đối với Công ty chè Văn Hưng. Từ năm 2006, Công ty phải nộp tiền thuê đất cho Nhà nước, mặc dù Công ty cho rằng đã đóng tiền thuê đất hàng năm (từ năm 2006 đến năm 2016), nhưng không có tài liệu thể hiện yêu cầu hộ ông Thái phải bồi thường cho Công ty tiền thuê đất đã nộp. Mặt khác, chưa có tài liệu nào thể hiện Công ty chè Văn Hưng đã nộp tiền

thuê đất từ năm 2006 đến năm 2016 cho Nhà nước. Do vậy, việc buộc Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY phải bồi thường cho Công ty cổ phần chè VH 233.915.000 đồng là không có căn cứ.

[4.2.2]. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của bị đơn, quan điểm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản, yêu cầu hủy quyết định cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

[5]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn Ông Hoàng VT và bà Hoàng TY; Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-DS ngày 14/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

[2]. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các điều 34, 37, 39 khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm g khoản 1 Điều 217, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 6, 32 Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ vào các điều 13, 166, 170, 185, 273, khoản 2 Điều 579 Bộ luật Dân sự; Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106, các điều 166, 168, 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 11 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; điểm b khoản 4 Điều 13, Điều 27 Luật Đất đai năm 1987; khoản 6 Điều 79 Luật Đất đai năm 1993; Quyết định số 184/HĐBT ngày 06-11-1982 của Hội đồng Bộ trưởng; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần chè VH buộc bị đơn gồm Ông Hoàng VT và bà Hoàng TY; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Hoàng CT, bà Vũ Hồng Phượng, ông Hoàng QV, bà Hoàng Thị Thắm và ông Phạm Ngọc Th phải thu hồi toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho Công ty cổ phần chè VH diện tích đất 397.472,0m², có địa chỉ tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

1.1. Thu hồi 2.585 cây keo loại C và các công trình trên đất; trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 13.168,6m² đất. Vị trí đất tại thửa số 01 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc giáp phần công trình giao thông do Ông

Hoàng VT san tạo và giáp thửa số 5 đồi 70 - tờ bản đồ 13 - 403527-4-a (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Nam giáp công trình giao thông do ông Thái san tạo và giáp thửa số 4, là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Đông giáp đường giao thông do ông Thái tự san tạo (không có tranh chấp) và giáp thửa số 4, là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Tây giáp hồ Thác Bà và giáp thửa số 4, là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.2. Thu hồi 2.097 cây bạch đàn loại D và các công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 12.131,0 m² đất. Vị trí đất tại thửa số 02 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc và phía Đông giáp phần diện tích ông Thái sử dụng trồng cây trà (phần diện tích không có tranh chấp); Phía Tây giáp phần diện tích ông Thái sử dụng trồng cây trà (phần diện tích không có tranh chấp) và giáp Hồ Thác Bà; Phía Nam giáp Hồ Thác Bà.

1.3. Thu hồi 1.979 cây keo loại C và 90 cây mít loại D và các công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 11.179,7m² đất. Vị trí đất tại thửa số 03 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc giáp hồ Thác Bà và giáp thửa số 4 (là đường giao thông) - tờ bản đồ 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái), giáp đường giao thông do ông Thái san tạo, giáp phần diện tích cây trà do ông Thái trồng; Phía Đông giáp hồ Thác Bà và giáp phần diện tích cây trà do ông Thái trồng; Phía Tây và phía Nam giáp Hồ Thác Bà.

1.4. Thu hồi 192 cây xoan loại C và các công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 3.969,4 m² đất. Vị trí đất tại thửa số 04 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Đông giáp Hồ Thác Bà, giáp thửa số 5 - Tờ bản đồ số 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái) và giáp thửa số 1 đồi 67 thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Tây giáp Hồ Thác Bà, giáp thửa số 5, tờ bản đồ số 19-403527-4-c, và giáp thửa số 1 đồi 67 thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Nam giáp Hồ Thác Bà và giáp thửa số 3, tờ bản đồ số 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Bắc giáp Hồ Thác Bà, giáp thửa số 5, tờ bản đồ số 19-403527-4-c, và giáp thửa số 1 Đồi 67 thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.5. Thu hồi 1.386 cây quế loại D; 40 cây trám loại A; 38 cây ràng ràng loại A; 1.400 cây luồng loại A; 4.000 cây luồng loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 23.002,0m² đất. Vị trí đất tại thửa số 05 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa số 12, đồi số 63 (công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 24-403524-6-d (diện tích đất không có tranh chấp) và giáp thửa số 4, tờ bản đồ số 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Nam giáp thửa số 4, là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Đông giáp thửa số 4 là đường giao thông thuộc tờ bản đồ 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Tây giáp thửa số 9, 12, 13 đồi số 63 (công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 24-403524-6-d (diện tích đất không có tranh chấp) và giáp thửa số 4 là đường giao

thông thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.6. Thu hồi 2.087 cây keo loại B và các công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 12.864,2 m² đất. Vị trí đất tại thửa số 06 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều giáp công trình san tạo là đường giao thông do ông Thái làm.

1.7. Thu hồi các loại cây cối trên đất bao gồm: 04 cây bưởi loại A; 61 cây bưởi loại C; 09 cây bưởi loại D; 06 cây bưởi loại Đ; 15 cây cam loại Đ; 100 cây cam loại E; 17 cây chanh loại C; 06 cây chanh loại D; 01 cây quất loại A; 05 cây quất hồng bì loại A; 05 cây quất hồng bì loại C; 01 cây na loại A; 04 cây đu đủ loại A; 01 cây đu đủ loại C; 08 cây xoài loại A; 01 cây xoài loại B; 01 cây trám loại A; 17 cây trám loại B; 03 cây sầu loại B; 01 cây cà phê loại A; 04 cây ổi loại A; 05 cây ổi loại D; 01 cây roi loại A; 01 cây roi loại C; 01 cây trứng gà loại B; 02 cây trứng gà loại C; 02 cây vú sữa loại B; 02 cây mít loại A; 01 cây mít loại D; 46 cây mít loại Đ ; 09 cây mít loại E; 02 cây hồng loại B; 02 cây hồng loại C; 01 cây hồng loại Đ; 09 cây nhãn loại A; 01 cây nhãn loại C; 01 cây vải thiều loại A; 03 cây vải thiều loại B; 05 cây dừa loại A; 1 cây dừa loại B; 20 khóm dứa loại A; 04 cây mận loại D; 01 cây mận loại Đ; 01 cây khế loại A; 03 khóm chuối loại A; 10 cây dâu tằm loại B; 23,5m² đất trồng cây đinh lăng loại B; 05 cây cọ loại A; 11 cây cau loại A; 33 cây cau loại D; 04 cây hoa hồng loại A; 11 cây tràm ngải loại B; 02 khóm trầu không loại A; 05m² đất trồng cây mía dò loại A; 01 cây trứng cá loại A; 200 cây sặt loại A; 100 cây sặt loại B; 24 cây vầu loại A; 279 cây vầu loại B; 1 khóm mây loại A; 04 khóm mây loại B; 100 cây luồng loại A; 56 cây luồng loại B; 24 cây xoan loại A; 57 cây xoan loại B; 20 cây sưa loại B; 55 cây sưa loại C; 05 cây sưa loại D; 35 cây bạch đàn loại A; 02 cây bạch đàn loại B; 09 cây quế loại A; 10 cây quế loại B; 206 cây quế loại C; 230 cây quế loại D; 01 cây xoan chanh loại C; 01 cây gạo loại A; 02 cây gạo loại B; 01 cây móc loại C; 01 cây sung loại A; 03 cây sắn loại B; 06 cây sắn loại C; 01 cây át loại A; 04 cây lát loại C; 01 cây vôi loại B; 02 cây lộc vừng loại A; 08 cây lộc vừng loại B; 15 cây lộc vừng loại C; 06 cây dổi loại C; 02 cây sồi loại C; 01 cây đáng loại A; 01 cây vàng khiêng loại B; 01 cây vàng khiêng loại C; 12 cây téch lai loại C; 14 cây téch lai loại D; 01 cây lim loại C; 04 cây giẻ loại D; 01 cây bo loại A; 02 cây giàng giàng loại C; 03 cây si loại A; 04 cây si loại D; 07 cây hoa ban loại B; 05 cây keo loại A; 24 cây keo loại B; 02 cây keo loại C; 06 cây keo loại D; 57 cây tường vi loại C; 06 cây vạn tuế loại B; 01 cây hoa ngọc lan loại A; 10 cây hoa giấy loại B; 01 cây lạng hoa trắng loại A; 15 cây mai cảnh loại B; 02m² đất trồng cây xạ đen loại A; 02m² đất trồng cây cối say loại A; 03m² đất trồng cây trinh nữ hoàng cung loại C; 02 cây chín mé (gỗ rồng) loại A; 80m² đất trồng cây cà gai leo loại B; 04m² đất trồng cây mỗ quạ loại A.

Các công trình trên đất, bao gồm: 01 nhà tạm gỗ bắt cặp phân loại nhóm, tranh, tre; nền đất không bó vỉa, diện tích 95,88m²; 01 bếp tạm, gỗ bắt cặp phân loại nhóm, tranh, tre; nền đất không bó vỉa diện tích 19,24m²; 01 chuồng nuôi

gia súc làm bằng tranh, tre, lợp lá cọ, diện tích 47,25m²; 01 chuồng nuôi gia cầm làm bằng tranh, tre, lợp lá cọ, diện 10,36m²; 01 bể nuôi cá: Dài 3,8m; rộng 2,2m; cao 1,9m; 01 bồn nước INOX và các công trình đường đi, nền sân, vườn.

Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 9.933,9m² đất. Vị trí đất tại thửa số 07 Tờ bản đồ 19-403527-4-c, có ranh giới: Phía Bắc giáp Hồ Thác Bà; Phía Đông giáp Hồ Thác Bà và phần công trình ông Thái san tạo; Phía Nam giáp Hồ Thác Bà và diện tích ông Thái trồng trà; Phía Tây giáp Hồ Thác Bà và đường giao thông đi chung (đường đất).

1.8. Thu hồi 4.980 cây keo loại B; 171 cây tếch loại B; 169 cây xoan loại C; 25 cây mít loại D; 49 cây mít loại Đ và công trình trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 42.329,2m² đất. Vị trí đất tại thửa số 12 Tờ bản đồ 11-403524-3-c, có ranh giới: Các phía Bắc, phía Tây đều giáp Hồ Thác Bà; Phía Đông giáp thửa đất số 13 đồi số 54 (công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 11-403524-3-c (diện tích đất không có tranh chấp); Phía Nam giáp thửa đất số 02, tờ bản đồ 17-403526-6-a (ông Thái quản lý không có tranh chấp), giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ 17-403526-6-a (ông Huệ quản lý không có tranh chấp), giáp thửa số 7, Tờ bản đồ số 17-403524-6-a (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái) và giáp Hồ Thác Bà.

1.9. Thu hồi 6.640 cây keo loại A; 200 cây trám loại A. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 49.886,0m² đất. Vị trí đất tại thửa số 01 Tờ bản đồ 13-403527-4-a, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc giáp Hồ Thác Bà.

1.10. Thu hồi 1.476 cây keo loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 8.891,5m² đất. Vị trí đất tại thửa số 02 Tờ bản đồ 13-403527-4-a, có ranh giới: Các phía Đông, Nam, Bắc giáp Hồ Thác Bà; Phía Tây giáp đất ông Thái đang sử dụng.

1.11. Thu hồi 1.339 cây keo loại C. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 6.698,8m² đất. Vị trí đất tại thửa số 03 Tờ bản đồ 13-403527-4-a, có ranh giới: Các phía Bắc, Đông, Tây giáp Hồ Thác Bà; Phía Nam: Giáp thửa số 5 đồi 70 thuộc tờ bản đồ số 13-403527-4-a (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.12. Thu hồi 13.996 cây bồ đề loại C. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 34.991,2m² đất. Vị trí đất tại thửa số 04 Tờ bản đồ 13-403527-4-a, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc giáp Hồ Thác Bà.

1.13. Thu hồi 10.919 cây quế loại D và các công trình san tạo trên đất. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 22.092,9 m² đất. Vị trí đất tại thửa số 05 Tờ bản đồ 13-403527-4-a, có ranh giới: Phía Bắc giáp Hồ Thác Bà và thửa số 3 đồi số 71 thuộc tờ bản đồ số 13-403527-4-a (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Đông giáp công trình san tạo là đường giao thông do ông Thái làm; Phía Nam giáp Hồ Thác Bà và thửa số 1 đồi số 67 thuộc tờ bản đồ số 19-403527-4-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái).

1.14. Thu hồi 816 cây keo loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 4.919,7m² đất. Vị trí đất tại thửa số 01 Tờ bản đồ 14-403527-4-b, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều giáp Hồ Thác Bà.

1.15. Thu hồi 671 cây keo loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 4.045,5m² đất. Vị trí đất tại thửa số 02 Tờ bản đồ 14- 403527-4-b, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều giáp Hồ Thác Bà.

1.16. Thu hồi các tài sản là cây trồng trên đất, bao gồm: 42 cây bưởi loại E; 37 cây bưởi loại D; 66 cây quýt loại E; 25 cây mít loại D; 100 cây mít loại D; 01 cây khế loại C; 07 cây dâu tằm loại A; 02 cây vú sữa loại B; 05 cây đu đủ loại B; 06 cây na loại C; 03 cây quất hồng bì loại C; 01 cây rọc loại C; 15 khóm dứa loại A; 15m² đất trồng cây mạch môn loại A; 06 cây hoa hồng loại A; 03 cây đào loại D; 03m² đất trồng cây đinh lăng loại B; 171 cây tETCH loại B; 170 cây xoan loại C; 01 cây vối loại B; 02 cây ngô đồng loại B; 01 cây lộc vùng loại A; 3.220 cây keo loại B; 3.000 cây bồ đề loại B; 1.000 cây quế loại D.

- Các tài sản là công trình san tạo: Khu vực nhà ở, tổng diện tích là: 2.011,7m², bao gồm:

01 nhà xây cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng 99m²; mái lợp tôn xộp; xà gồ, vì kèo thép; tường thu hồi 110; cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ. Nền nhà, chân tường ốp lát gạch ceramic. Hiên trước nhà diện tích 30m², lát gạch ceramic; bậc tam cấp ốp lát đá granit; Thiết kế xây tường chịu lực dày 110; vữa xi măng 50#; Nền bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng quanh nhà: 18,97m²;

01 nhà bếp và công trình vệ sinh: Hiện trạng công trình là 01 nhà xây cấp IV, 01 tầng. Diện tích xây dựng: 35,26m²; Mái lợp tôn xộp; xà gồ thép, tường thu hồi 110, cửa đi bằng sắt; nền nhà lát gạch ceramic, bàn bếp đồ bê tông tại chỗ; ốp đá granit; khu vệ sinh ốp, lát gạch; Thiết kế xây tường chịu lực dày 110; vữa xi măng 50; Bán mái trước nhà: Mái lợp tôn xộp; xà gồ, vì kèo thép. Diện tích 97,5m²;

01 sân trước nhà: Nền bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng, bó vỉa bằng gạch chỉ. Diện tích 98,1m²; 01 sân sau bếp: Nền bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng. Diện tích 22,77m²; 01 giếng khoan sâu 80m; 01 bồn nước INOX; 01 Bể phốt (dài 4,4m; rộng 2,3m; cao 2,0m) và các công trình san tạo là đường đi quanh đồi, đường phân cấp: Diện tích là 3.512,7m².

Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 48.674,9m² đất. Vị trí đất là một phần của thửa số 07 Tờ bản đồ 17- 403524-6-a, có ranh giới: Phía Bắc giáp Hồ Thác Bà, giáp thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a (ông Thái quản lý không có tranh chấp), giáp thửa số 3 (ông Huệ quản lý) thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a (diện tích đất không có tranh chấp) và giáp thửa số 12 Tờ bản đồ số 11-403524-3-c (diện tích đất có tranh chấp với ông Thái); Phía Đông giáp thửa số 4, đồi số 55 (công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a, giáp thửa số 9 là đường giao thông (công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a (diện tích đất không có tranh chấp); Phía Nam giáp thửa số 9 (là đường giao thông Công ty quản lý) thuộc tờ bản đồ số 17-403524-6-a và giáp đất các hộ (ông

Thanh, ông Vượng, ông Sơn, bà Mai, bà Lương sử dụng); Phía Tây giáp các hộ (ông Luyến, ông Chính, ông Đỗ Văn Hưởng sử dụng, không có tranh chấp) và giáp Hồ Thác Bà.

1.17. Thu hồi 1.178 cây keo loại C. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 5.890,8m² đất. Vị trí đất là một phần của thửa số 01 Tờ bản đồ số 18-403524-6-b, có ranh giới: Các phía Đông, Tây, Nam, giáp Hồ Thác Bà; Phía Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Đăng sử dụng (không có tranh chấp).

1.18. Thu hồi các tài sản là cây trồng trên đất, bao gồm: 229 cây bưởi loại A; 06 cây chanh loại B; 08 cây quất loại B; 04 cây xoài loại A; 02 cây xoài loại D; 01 cây ổi loại C; 01 cây trứng gà loại A; 04 cây mít loại C; 145 cây mít loại D; 110 cây trám loại B; 14 cây quế loại B; 4.400 cây quế loại D; 1.673 cây quế loại D; 76 cây sưa loại B; 03 cây gạo loại A; 01 cây gù hương loại A; 01 cây lem loại A; 55 cây trô chỉ loại A; 332 cây keo loại B; 40m² đất trồng cây đinh lăng loại B.

- Các tài sản là công trình san tạo: 01 giếng đào đường kính 1,4m; sâu 17m; quần gạch chỉ bi giếng 18m và nền giếng có diện tích là 279,5m².

Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 29.340,2m² đất. Vị trí đất tại thửa số 23 Tờ bản đồ số 24-403524-6-d, có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa số 14 đồi 62, thửa số 9, thửa 13 đồi 63 do Công ty quản lý và thửa 24 đều thuộc tờ bản đồ số 24-403524-6-d (diện tích đất không có tranh chấp); Phía Đông và phía Nam giáp đường đất (đường giao thông đi chung); Phía Tây giáp đường đất là đường giao thông đi chung và thửa số 14 đồi 62 do Công ty quản lý đều thuộc tờ bản đồ số 24-403524-6-d (diện tích đất không có tranh chấp).

1.19. Thu hồi 45 cây keo loại B. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 133,4m² đất. Vị trí đất tại thửa số 27 Tờ bản đồ số 24-403524-6-d, có ranh giới: Phía Đông, phía Bắc giáp đường đất (đường giao thông đi chung); Phía Tây và phía Nam giáp Hồ Thác Bà.

1.20. Thu hồi các tài sản là cây trồng trên đất, bao gồm: 41 cây bưởi loại A; 05 cây bưởi loại D; 61 cây bưởi loại E; 25 cây cam loại D; 25 cây vải thiều loại A; 07 cây hồng loại A; 6 cây xoài loại C; 05 cây vú sữa loại B; 01 cây khế loại A; 110 cây cau loại D; 40 cây vầu loại B; 19 cây mít loại D; 38 cây quế loại B; 8.290 cây quế loại D; 3.004 cây keo loại B; 10 cây xoan loại A; 82 cây xoan loại C; 07 cây giàng giàng loại A; 8 cây trám loại A; 01 cây trám loại B; 16 cây sưa loại C; 70 cây hóp loại A; 55 cây hóp loại B; 01 cây lộc vùng loại A; 16 cây lộc vùng loại B; 16 cây si loại C; 01 cây sui loại A; 13 cây sồi loại C.

- Các công trình trên đất, bao gồm: 01 lán gỗ làm bằng tranh, tre, mái lợp bạt dứa. Diện tích 61,75m²; 04 bể ngâm sắn bằng bê tông, mỗi bể rộng 1m; cao 1m; dày 0,06m và các công trình san tạo trên đất.

Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH: 53.329,1m² đất. Vị trí đất tại thửa số 01 Tờ bản đồ số 25-403527-7-a, có ranh giới: Phía Bắc và phía Nam giáp Hồ Thác Bà; Phía Đông, phía Tây giáp Hồ Thác Bà và các công trình san tạo do ông Thái làm (không có tranh chấp).

(Các loại cây cối, tài sản trên đất được xác định tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ; Chiều dài cạnh của các thửa đất thể hiện trên sơ đồ thẩm định kèm theo bản án).

1.21. Huỷ một phần: “Sổ quản lý vườn rừng” số 63 năm 1991 và Quyết định số 52/QĐUB ngày 03-3-1992 của Ủy ban nhân dân huyện YB, về việc “giao đất và cho phép sản xuất kinh doanh ngành nghề” cho hộ Ông Hoàng VT. Đối với phần diện tích đất là 398.968,7m² của 20 thửa đất có địa chỉ tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Bao gồm diện tích đất tại các thửa số: 01,02, 03, 04, 05, 06, 07 tờ bản đồ số 19-403527-4-c; các thửa số 01, 02, 03, 04, 05 tờ bản đồ số 13-403527-4-a; thửa số 01 tờ bản đồ số 18-403524-6-b; thửa số 12 tờ bản đồ số 11-403524-3-c; các thửa số 01, 02 tờ bản đồ số 14-403527-4-b; thửa số 07 tờ bản đồ số 17-403524-6-a; các thửa số 23, 27 tờ bản đồ số 24-403524-6-d và thửa số 01 tờ bản đồ số 25-403527-7-a.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần chè VH về việc buộc Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY phải trả cho Công ty cổ phần chè VH số tiền thuê đất trong 11 năm (từ năm 2006 đến năm 2016) là: 233.915.000 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng).

3. Không chấp nhận các yêu cầu của bị đơn, về việc buộc Công ty cổ phần chè VH phải hoàn trả lợi tức trên diện tích đất đã thu hồi từ năm 2000 đến năm 2018, với số tiền là 1.440.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 726497, số vào sổ: T01961, Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 30-11-2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, cấp cho Công ty cổ phần chè VH sử dụng 3.750.897,0m² đất tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY đã nộp tại Biên lai thu số 0001405 ngày 22/3/2023 và Biên lai thu số 0001406 ngày 22/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (đã nộp đủ).

[3.2]. Về án phí dân sự:

Công ty cổ phần chè VH phải chịu án phí dân sự 11.695.750đ (mười một triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng). Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là: 6.463.000đ (sáu triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, theo Biên lai số AA/2021/0001544 ngày 09-11-2021. Nay Công ty còn phải nộp 5.232.750đ (năm triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY được miễn án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 27.600.000đ (hai mươi bảy triệu, sáu trăm

nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, theo Biên lai số AA/2021/0001568 ngày 24-12-2021.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY phải chịu toàn bộ: 129.100.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu, một trăm ngàn đồng), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Do Công ty cổ phần chè VH đã nộp tạm ứng số tiền nêu trên, nên Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần chè VH số tiền 129.100.000đ (một trăm hai mươi chín triệu một trăm ngàn đồng) này.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần chè VH có yêu cầu thi hành án, nếu Ông Hoàng VT, bà Hoàng TY chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học

Nguyễn Vũ Đông

Đặng Đình Lực

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đặng Đình Lực**